

Bản án số: 290/2020/HS-ST

Ngày 18-12-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Liệt

Ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 303/2020/HSST ngày 13 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 330/2020/QĐXX-HS ngày 04 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Đại T, sinh ngày 02-3-1991 tại tỉnh Thái Bình; Hộ khẩu thường trú: Khu A, Thị trấn B, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở: Không cố định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Cha: Trần Ngọc Đ, sinh năm 1958; Mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân Thân: Năm 2009, bị Tòa án nhân dân quận Đống Đa, TP Hà Nội xử phạt 07 năm tù về tội “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy” (Bản án số 355/2010/HSST ngày 25/8/2010). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 9/12/2016.

Bị bắt: Ngày 28 tháng 7 năm 2020, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu (Có mặt tại phiên tòa).

2. Hồ Duy L, sinh ngày 07-01-2004 tại tỉnh Đắk Lắk; Hộ khẩu thường trú: Buôn C, xã D, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở: Không cố định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Cha: Hồ D, sinh năm 1965; Mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt: Ngày 27 tháng 7 năm 2020, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu (Có mặt tại phiên tòa).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo L : Chị Nguyễn Thị H , sinh năm 1994 (chị ruột của bị cáo); Nơi cư trú: số 300/53 đường T, phường K, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh (Có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đinh Thị Quý – Luật sư - Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 45 phút ngày 27/7/2020, tại trước quán Karaoke New Avarta trên đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 4, TP.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an TP.Vũng Tàu phối hợp với Công an Phường 4, Bộ tư lệnh vùng Cảnh sát biển 3 bắt quả tang Hồ Duy L đang tàng trữ trái phép chất ma túy (MDMA và Ketamine) nhằm mục đích bán cho con nghiện. Cơ quan chức năng tiếp tục khám xét nơi ở của Hồ Duy L tại phòng 203 của nhà số 425 Trương Công Định, Phường 7, TP.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thu giữ 01 gói nylon hàn kín bên trong có chứa chất bột màu trắng (L khai nhận là ma túy).

Sau khi bị bắt, Hồ Duy L khai số ma túy bị Cơ quan chức năng thu giữ là của Trần Đại T giao cho L đi bán. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP Vũng Tàu đã tiến hành làm việc với T .

Quá trình điều tra, T và L khai nhận: Do có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước và biết L không có việc làm, T nói với L đi bán ma túy cho T , T thuê nhà cho L ở và mỗi lần bán được ma túy, T cho L 200.000 đồng. L đồng ý bán ma túy cho T .

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 27/7/2020, có một người tên Tiến (không rõ nhân thân lai lịch) gọi điện thoại cho L hỏi mua 10 viên thuốc lắc (MDMA) và 01 gói ma túy khay (Ketamine), L đồng ý bán cho Tiến với giá 6.000.000 đồng. Sau đó, L đến trước nhà số 02 Hoàng Diệu, Phường 1, TP.Vũng Tàu gặp T để lấy ma túy đồng thời hẹn Tiến đến trước quán Karaoke New Avarta trên đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 4, TP.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giao ma túy. Trong khi chờ Tiến đến để bán ma túy cho Tiến thì L bị lực lượng chức năng bắt quả tang như trên.

Ngoài lần bị bắt quả tang, trước đó 3 ngày L có lấy 04 viên thuốc lắc từ T bán cho một người không rõ lai lịch với giá 1.400.000 đồng và trước đó khoảng 2 tuần, L cũng đã lấy 01 gói ma túy khay từ T để bán cho Tiến với giá

1.000.000 đồng. Số ma túy này là của T. T mua của một người đàn ông ở TP Hồ Chí Minh (gồm 20 viên thuốc lắc và nửa hộp khay) với giá 7.000.000 đồng.

Lời khai của Hồ Duy L và Trần Đại T phù hợp với nhau, phù hợp với chứng cứ thu thập được và phù hợp với lời khai của người chứng kiến anh Lê Văn Nhân.

Tại Kết luận giám định số 355/GĐMT - PC09(Đ2) ngày 06/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kết luận:

1. 08 viên nén màu hồng hình quả dâu (Mẫu A1) được niêm phong trong một phong bì màu trắng có hình dấu của Công an phường 4, CA TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, gửi đến giám định có tổng khối lượng 2,8181 gam, là ma túy, loại MDMA.

02 viên nén màu cam hình chiếc khiên, có in nổi các ký tự “ups” trên một bề mặt (Mẫu A2) được niêm phong trong cùng phong bì nêu trên, gửi đến giám định có khối lượng 1,0824 gam là ma túy loại MDMA.

Mẫu chất bột màu trắng chứa trong một gói ni lon hàn kín (Mẫu A3) được niêm phong trong cùng phong bì nêu trên, gửi đến giám định có khối lượng 1,4446 gam là ma túy loại Ketamine.

2. Mẫu chất bột màu trắng chứa trong 01 (một) gói nylon hàn kín (Mẫu A4), được niêm phong trong một phong bì màu trắng, gửi đến giám định có tổng khối lượng 0,1680 gam, là ma túy, loại Ketamine.

Hồ Duy L và Trần Đại T tàng trữ 3,9005 gam ma túy, loại MDMA và 1,6126 gam ma túy loại Ketamine, để bán cho con nghiện đây là chất ma túy khác ở thể rắn. Cả hai chất ma túy này đều có khối lượng dưới mức tối thiểu đối với từng chất quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Do đó, áp dụng Khoản 2 Điều 5 Nghị định 19/2018 ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích các chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự, xác định tổng tỷ lệ phần trăm của các chất ma túy trên như sau:

- Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của MDMA so với mức tối thiểu đối với MDMA được quy định tại điểm i, khoản 2 Điều 251 BLHS là 78,01% (3,9005 gam so với 05 gam).

- Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Ketamine so với mức tối thiểu đối với Ketamine (chất ma túy khác ở thể rắn) được quy định tại điểm 1, Khoản 2 Điều 249 BLHS là 8,063% (1,6126 gam so với 20 gam).

Tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của 02 chất ma túy MDMA với Ketamine: $78,01\% + 8,063\% = 86,073\%$.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật; xử lý vật chứng: Cơ quan chức năng thu giữ vật chứng và các tài sản gồm:

+ 10 viên nén qua giám định là ma túy, loại MDMA, có khối lượng 3,9005 gam; 02 gói nylon hàn kín chứa chất bột màu trắng qua giám định là ma túy, loại Ketamine có khối lượng 1,6126 gam; 01 điện thoại di động hiệu Nokia có số IMEL: 357712107000902; 01 điện thoại di động hiệu Huawei có số IMEL: 867743048819756; 01 xe mô tô biển số: 51R3 - 6188, số máy M9BFD - 002399, số khung 002399.

+ Đối với xe mô tô biển số 51R3 - 6188, số máy M9BFD - 002399, số khung 002399 qua xác minh là xe do chị Phạm Thị Thủy Tiên, sinh năm 1976, HKTT: 572/12/26 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu. Chị Tiên đã bán chiếc xe này từ lâu và không nhớ bán cho ai. Chiếc xe trên là của Trần Đại T mua xe cũ để giao cho L sử dụng đi bán ma túy.

Toàn bộ vật chứng và tài sản nêu trên hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP Vũng Tàu đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu quản lý, chờ xử lý.

Bản cáo trạng số 305/CT-VKSTPVT ngày 12-11-2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố Trần Đại T và Hồ Duy L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 251; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Trần Đại T mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù;

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 251; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt Hồ Duy L mức án từ 06 đến 07 năm tù;

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo;

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy là tang vật trong vụ án; Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 chiếc xe mô tô biển số 51R3 - 6188, số máy M9BFD - 002399, số khung 002399; 01 điện thoại di động hiệu Nokia có số IMEL: 357712107000902; Trả lại cho bị cáo L : 01 điện thoại di động hiệu Huawei có số IMEL: 867743048819756.

Luật sư bào chữa cho bị cáo L thống nhất quan điểm của kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo L . Tuy nhiên, luật sư đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo L mức án dưới khung, thấp hơn mức đề nghị của kiểm sát viên . Bị cáo L đồng ý với ý kiến của luật sư bào chữa và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; các bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Do có quen biết từ trước và thấy Hồ Duy L không có việc làm nên Trần Đại T đã thuê L đi bán ma túy, T thuê nhà cho L ở và mỗi lần đi bán ma túy T trả cho L 200.000 đồng. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 27/7/2020, T đưa cho L 10 viên MDMA và 01 gói Ketamine để L đi bán cho một đối tượng tên Tiến (không rõ nhân thân lai lịch) tại trước quán Karaoke New Avarta trên đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 4, TP.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Trong khi chờ Tiến đến để bán ma túy thì L bị lực lượng chức năng bắt quả tang. Số ma túy mà L và T tàng trữ để bán cho con nghiện có tổng khối lượng là 3,9005 gam MDMA và 1,6126 gam Ketamine.

Ngoài ra, trước đó 03 ngày L có lấy 04 viên MDMA từ T bán cho một người không rõ lai lịch với giá 1.400.000 đồng và trước đó khoảng 2 tuần, L cũng đã lấy 01 gói Ketamine từ T để bán cho Tiến với giá 1.000.000 đồng.

Như vậy, hành vi bị cáo Trần Đại T, Hồ Duy L thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy được pháp luật hình sự bảo vệ; là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tệ nạn xã hội và tội phạm khác, ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh tại địa phương. Vì vậy, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự cấu kết, bàn bạc và phân công vai trò cụ thể. Tuy nhiên bị cáo T là người đã trưởng thành, lôi kéo bị cáo L là người chưa thành niên phạm tội, bị cáo T có vai trò khởi xướng đã trực tiếp đi mua ma túy và mang về đưa cho L bán. Vì vậy T phải chịu mức hình phạt nặng hơn L.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Không có;

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện khai ra về hành vi phạm tội trước đó nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, r Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Riêng bị cáo L khi bị bắt quả tang đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra, giúp cơ quan điều tra nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án và phát hiện thêm đồng phạm mới. Vì vậy, ngoài hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, bị cáo L còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Bị cáo L có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, r, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên áp dụng khoản 1 Điều 54 quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo L thuộc trường hợp người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi phạm tội. Ở độ tuổi này mặc dù bị cáo chưa thành niên nhưng theo quy định của pháp luật, bị cáo đã đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, khi lượng hình cần áp dụng Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự để xem xét cho bị cáo hưởng mức án cho người dưới 18 tuổi phạm tội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các Bị cáo không có thu nhập ổn định nên không có khả năng thi hành án phạt bổ sung là hình phạt tiền. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Đối với người thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) bán ma túy cho T và người đàn ông tên Tiến là người mua ma túy của T và L không rõ nhân

thân, lai lịch, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.Vũng Tàu tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 10 viên nén qua giám định là ma túy, loại MDMA, có khối lượng 3,9005 gam; 02 gói nylon hàn kín chứa chất bột màu trắng qua giám định là ma túy, loại Ketamine có khối lượng 1,6126 gam;

- Tịch thu sung công quỹ: 01 điện thoại di động hiệu Nokia có số IMEL: 357712107000902 bị cáo L sử dụng để liên lạc thực hiện tội phạm

- Trả lại bị cáo L : 01 điện thoại di động hiệu Huawei có số IMEL: 867743048819756 không liên quan đến tội phạm;

- Tịch thu sung công quỹ: 01 xe mô tô biển số: 51R3 - 6188, số máy M9BFD - 002399, số khung 002399 qua xác minh là xe do chị Phạm Thị Thủy Tiên, sinh năm 1976, HKTT: 572/12/26 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu. Chị Tiên đã bán chiếc xe này từ lâu và không nhớ bán cho ai. Chiếc xe trên là của Trần Đại T mua xe cũ để giao cho L sử dụng đi bán ma túy.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trần Đại T , Hồ Duy L** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Căn cứ: điểm b Khoản 2 Điều 251; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Trần Đại T : 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 7 năm 2020.

3. Căn cứ: điểm b Khoản 2 Điều 251; điểm s, r, t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 91; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Hồ Duy L : 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 7 năm 2020.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 10 viên nén qua giám định là ma túy, loại MDMA, có khối lượng 3,9005 gam; 02 gói nylon hàn kín chứa chất bột màu trắng qua giám định là ma túy, loại Ketamine có khối lượng 1,6126 gam (Hai gói niêm phong số 355/1 và 355/2 ngày 06/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu);

- Tịch thu sung công quỹ: 01 điện thoại di động hiệu Nokia có số IMEL: 357712107000902; 01 xe mô tô biển số: 51R3 - 6188, số máy M9BFD - 002399, số khung 002399;

- Trả lại bị cáo L : 01 điện thoại di động hiệu Huawei có số IMEL: 867743048819756 không liên quan đến tội phạm;

Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 53/BB.THA ngày 18-12-2020.

4. Án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Đại T , Hồ Duy L , mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo; người đại diện hợp pháp, người bào chữa cho bị cáo L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Công an thành phố Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Nga